

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Phạm Ánh Dương  | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Phạm Hoàng Việt | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 3. Ông Nguyễn Lê Trung | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 4. Bà Hòa Thị Thu Hà   | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 5. Ông Phạm Đình Ngu   | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Lê Trung | Tổng Giám đốc     |
| 2. Ông Trần Hoàng Hoan | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Phạm Hoàng Việt | Phó Tổng Giám đốc |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thủy mặt và dũi điện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhân Chính, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 34/2015/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế(IFC)**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015*

**Nguyễn Như Phương**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2013-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>694.379.188.147</b>	<b>495.025.008.321</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>336.807.716.067</b>	<b>130.266.723.762</b>
1. Tiền	111		122.985.042.067	113.266.723.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		213.822.674.000	17.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>154.088.536.599</b>	<b>146.942.387.955</b>
1. Phải thu khách hàng	131		122.485.772.971	76.666.094.111
2. Trả trước cho người bán	132		4.571.973.920	55.117.289.723
3. Các khoản phải thu khác	135		27.192.895.089	15.159.004.121
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(162.105,381)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>137.522.087.909</b>	<b>200.025.997.066</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	137.522.087.909	200.025.997.066
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.960.847.572</b>	<b>17.789.899.538</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.286.725.798	3.957.354.117
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.177.133.335	7.967.080.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.292.888.969	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5,4	25.204.099.470	5.865.465.303
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>727.271.546.766</b>	<b>655.544.196.312</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>679.968.837.985</b>	<b>605.159.756.298</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	618.302.904.756	534.173.759.631
- Nguyên giá	222		851.063.493.212	709.289.929.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(232.760.588.456)	(175.116.169.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	33.092.769.919	33.899.031.144
- Nguyên giá	228		36.153.869.936	36.153.869.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.061.100.017)	(2.254.838.792)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		28.573.163.310	37.086.965.523
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>39.205.453.451</b>	<b>39.255.796.179</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	39.205.453.451	37.755.796.179
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.500.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.097.255.330</b>	<b>11.128.643.835</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.061.140.389	10.848.566.137
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		36.114.941	280.077.698
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.421.650.734.913</b>	<b>1.150.569.204.633</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>635.324.911.650</b>	<b>598.551.168.719</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>507.673.920.248</b>	<b>515.468.247.067</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	329.022.191.692	334.296.710.948
2. Phải trả người bán	312	5.9	160.688.554.128	155.949.465.449
3. Người mua trả tiền trước	313		6.541.650.794	11.351.552.129
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	330.215.456	4.031.283.006
5. Phải trả người lao động	315		7.125.469.132	7.232.858.110
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	3.104.251.244	2.382.861.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		861.587.802	223.515.917
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>127.650.991.402</b>	<b>83.082.921.652</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	127.650.991.402	83.082.921.652
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>776.936.974.055</b>	<b>543.446.500.724</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>776.936.974.055</b>	<b>543.446.500.724</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		396.000.000.000	198.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		147.501.567.329	130.933.926.549
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.755.216.989	13.209.874.449
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.633.790.741	13.088.448.201
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		14.053.617.323	10.632.061.783
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		187.992.781.673	177.582.189.742
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>9.388.849.208</b>	<b>8.571.535.190</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.421.650.734.913</b>	<b>1.150.569.204.633</b>



Nguyễn Lê Trung  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòa  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Tbuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng	01	6.1	1.564.763.399.903	1.158.676.896.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	4.119.790.812	1.168.813.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		1.560.643.609.091	1.157.507.782.869
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.377.898.703.125	978.972.604.135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		182.744.905.966	178.535.178.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.331.971.297	6.609.884.884
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.896.787.122	21.635.143.514
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.187.219.661	17.108.189.410
8. Chi phí bán hàng	24		78.937.784.265	63.352.391.866
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.977.045.351	36.338.296.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.265.260.525	63.819.231.930
11. Thu nhập khác	31		6.176.730.992	2.538.101.186
12. Chi phí khác	32		5.524.254.412	119.791.191
13. Lợi nhuận khác	40		652.476.580	2.418.309.995
14. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		6.282.567.272	4.849.242.924
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.200.304.377	71.086.784.849
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	9.175.466.515	15.714.076.976
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		243.962.755	(98.833.241)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		47.780.875.107	55.471.541.114
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		817.314.016	535.724.875
18.2. Lợi nhuận sau thuế của công ty công ty mẹ	62		46.963.561.091	54.935.816.239
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	1.895	2.775



Nguyễn Lê Trung  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>57.200.304.377</i>	<i>71.086.784.849</i>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	64.200.062.759	48.746.208.769
- Các khoản dự phòng	03	162.105.381	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.986.534.493	2.273.454.179
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.761.808.398)	(2.595.142.397)
- Chi phí lãi vay	06	17.187.219.661	17.108.189.410
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>136.974.418.273</b>	<b>136.619.494.810</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(50.808.261.982)	(41.052.711.630)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	62.503.909.157	(4.448.284.609)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(37.991.421.956)	19.103.395.577
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.541.945.933)	(5.432.359.815)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(22.686.784.106)	(21.331.321.084)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.191.339.022)	(17.153.528.975)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.680.407.297	11.143.176.845
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.639.446.655)	(13.923.416.665)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>99.299.535.073</b>	<b>83.524.444.454</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(109.290.786.977)	(207.156.343.660)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.524.270.590	-
3. Tiền chi cho vay	23	(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	1.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(33.849.335.255)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	29.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.706.659.544	3.264.174.397
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(127.559.856.843)</b>	<b>(208.641.504.518)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	217.798.900.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.317.734.346.905	1.077.343.977.855
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.281.349.175.035)	(905.746.477.602)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.761.631.208)	(19.781.367.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>234.422.440.662</b>	<b>151.816.133.253</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>206.162.118.892</b>	<b>26.699.073.189</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	130.266.723.762	103.421.045.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	378.873.413	146.605.093
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>336.807.716.067</b>	<b>130.266.723.762</b>



Nguyễn Lễ Trung  
Tổng Giám đốc  
Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Hồ Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòa  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

#### *Công ty mẹ*

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 10 tháng 11 năm 2014.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### *Công ty con*

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái ("Công ty con") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 01 năm 2013.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

#### *Vốn điều lệ của Công ty*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 11 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 396.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và cáo dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 1 công ty con, chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Địa chỉ	:	Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Hoạt động chính:	:	Là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014 : 79.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 91,86%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 91,86%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lấy năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
Tài sản khác	3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Phần mềm máy vi tính	3

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, Nhà máy số 5 hoạt động thương mại và hoạt động khác là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.235.977.141	483.599.185
Tiền gửi ngân hàng	119.749.064.926	108.340.470.577
Tiền đang chuyển	-	4.442.654.000
Tương đương tiền (*)	213.822.674.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>336.807.716.067</b>	<b>130.266.723.762</b>

(\*)Tại ngày 31/12/2014, Công ty có các khoản tương đương tiền trị giá 213.822.674.000 đồng là tiền gửi có kỳ hạn từ 14 ngày đến 03 tháng, lãi suất từ 0,8%/năm đến 5,5%/năm, trả lãi vào cuối kỳ. Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương giá trị là 50.000.000.000 đồng được đem đi thế chấp các khoản vay.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đây là khoản tiền gửi ngân hàng Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương có kỳ hạn 6 tháng số tiền là 20.000.000.000 đồng và có kỳ hạn 12 tháng số tiền là 10.000.000.000 đồng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,1%/năm.

**5.3. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	10.521.145.032	8.366.169.099
Nguyên liệu, vật liệu	64.592.002.376	123.084.009.054
Công cụ, dụng cụ	5.894.884.774	5.509.947.850
Chi phí SXKD dở dang	1.652.227.753	9.012.772.030
Thành phẩm	53.533.115.793	53.786.297.474
Hàng gửi đi bán	1.328.712.181	266.801.559
<b>Cộng</b>	<b>137.522.087.909</b>	<b>200.025.997.066</b>

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 131.789.048.982 đồng.

**5.4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	414.721	1.306.616
Tạm ứng	24.323.966.379	5.281.384.250
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	879.718.370	582.774.437
<b>Cộng</b>	<b>25.204.099.470</b>	<b>5.865.465.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA**

**CÔNG TY TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

H111+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**VIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Người viết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B09 - DN/HN**

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm		Tài sản cố định khu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>													
Số dư tại ngày 01/01/2014	99.348.418.003	537.065.452.133	49.077.797.594	1.396.631.072	15.670.983.000	6.730.647.727	709.289.929.529						
Mua trong năm	-	75.519.797.150	13.856.539.891	230.605.659	-	7.986.882.497	97.593.825.197						
Đầu tư XDCB hoàn thành	55.376.654.613	-	-	-	-	-	55.376.654.613						
Thanh lý, nhượng bán	-	4.896.389.649	6.192.677.200	94.667.460	-	13.181.818	11.196.916.127						
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>154.725.072.616</b>	<b>607.688.959.634</b>	<b>56.741.660.285</b>	<b>1.532.569.271</b>	<b>15.670.983.000</b>	<b>14.704.348.406</b>	<b>851.063.493.212</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>													
Số dư tại ngày 01/01/2014	19.403.112.053	137.588.974.301	14.770.989.367	787.158.216	2.350.736.205	215.199.756	175.116.169.898						
Khấu hao trong năm	7.108.572.454	48.055.800.678	6.110.094.678	197.677.139	832.353.876	1.067.714.124	63.372.212.949						
Thanh lý, nhượng bán	-	3.193.058.371	2.426.886.742	94.667.460	-	13.181.818	5.727.794.391						
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>26.511.684.507</b>	<b>182.451.716.608</b>	<b>18.454.197.303</b>	<b>890.167.895</b>	<b>3.183.090.081</b>	<b>1.269.732.062</b>	<b>232.760.588.456</b>						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>													
Số dư tại ngày 01/01/2014	79.945.305.950	399.476.477.832	34.306.808.227	609.472.856	13.320.246.795	6.515.447.971	534.173.759.631						
Số dư tại ngày 31/12/2014	128.213.398.109	425.237.143.026	38.287.462.982	642.401.376	12.487.892.919	13.434.616.344	618.302.904.756						

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 524.578.473.102 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2014	36.107.984.276	45.885.660	36.153.869.936
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>36.107.984.276</u>	<u>45.885.660</u>	<u>36.153.869.936</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.208.953.132	45.885.660	2.254.838.792
Khấu hao trong năm	806.261.225	-	806.261.225
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>3.015.214.357</u>	<u>45.885.660</u>	<u>3.061.100.017</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2014	33.899.031.144	-	33.899.031.144
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>33.092.769.919</u>	<u>-</u>	<u>33.092.769.919</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.212.328.636 đồng.

**5.7. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Vinh	39.205.453.451	37.755.796.179
<b>Cộng</b>	<u>39.205.453.451</u>	<u>37.755.796.179</u>

Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Kraft, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty liên kết có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.8. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	56.292.489.573	50.902.320.348
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	6.615.399.600	9.554.461.013
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	115.206.185.210	177.720.178.271
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN (iv)	5.880.899.664	5.775.546.250
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (v)	5.438.858.200	33.265.823.272
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	11.457.589.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (vi)	124.468.473.956	45.620.792.794
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (vii)	5.515.077.295	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (viii)	9.604.808.194	-
<b>Cộng</b>	<b>329.022.191.692</b>	<b>334.296.710.948</b>

- (i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/1347719/HĐTDHM ngày 07 tháng 5 năm 2014 với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.
- (ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, tổng hạn mức tiền vay là 50 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức này là 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2014, lãi suất khoản vay được quy định trên mỗi giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.
- (iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT340-AnPHAT với hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2014, lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và bao bì các loại. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.
- (iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 130000142120/05 ngày 15 tháng 8 năm 2012, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay là MFC 3 tháng cộng 1,39%/năm với VND, là Libor 3 tháng cộng 2,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trên hợp đồng.
- (v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 63/2014/HM/KD ngày 18 tháng 3 năm 2014 với hạn mức cho vay là 62,5 tỷ đồng, thời gian của hạn mức 04 tháng, lãi suất vay với USD là 3%/năm Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.8. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 140118/NHNTTD ngày 30 tháng 07 năm 2014 với hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất vay ưu đãi là 6,6%/năm đối với VND, là 3%/năm đối với USD, các lượt thay đổi lãi suất sẽ có thông báo. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản xe oto Mercedes Benz biển số 30A-019.26 có giá trị 5.015.659.091 đồng.
- (vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức hợp đồng tín dụng BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01 với hạn mức cho vay bổ sung với hạn mức phụ tối đa là 1.000.000 USD, thời gian của khoản vay là 120 ngày, lãi suất vay là 1,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng thư tín dụng được quy định trên hợp đồng.
- (viii) Vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 175.14.270.300401/TDDN ngày 17 tháng 12 năm 2014. Với hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay phụ thuộc vào từng kế ước nhận nợ (4,8%/năm) Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

**5.9. Phải trả người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	142.715.431.741	141.062.011.382
Phải trả nhà cung cấp trong nước	17.973.122.387	14.887.454.067
<b>Cộng</b>	<b>160.688.554.128</b>	<b>155.949.465.449</b>

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.053.548	3.993.037.086
Thuế thu nhập cá nhân	60.161.908	28.762.891
Các loại thuế khác	-	9.483.029
<b>Cộng</b>	<b>330.215.456</b>	<b>4.031.283.006</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.11. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	71.398.100	71.075.734
Bảo hiểm xã hội	34.913.034	3.368.104
Bảo hiểm y tế	3.034.793	1.185.040
Bảo hiểm thất nghiệp	629.210	227.776
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	26.279.065	19.014.972
Cổ tức phải trả	62.193.792	23.825.000
Phải trả, phải nộp khác	2.905.803.250	2.264.164.882
<b>Cộng</b>	<b>3.104.251.244</b>	<b>2.382.861.508</b>

**5.12. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	89,904,001,172	83,082,921,652
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	37,746,990,230	-
<b>Cộng</b>	<b>127,650,991,402</b>	<b>83,082,921,652</b>

(i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 35 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất từ 9,5%/năm - 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA**

**LI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

1+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BẢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*ết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B09 - DN/HN

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư lại 01/01/2013	198.000.000.000	-	130.933.926.549	10.408.445.862	10.287.019.614	8.738.885.556	160.188.377.676	518.556.655.257				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	54.935.816.239				
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.801.428.587	2.801.428.587	3.672.933.897	(17.742.004.173)	(8.466.213.102)				
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(19.800.000.000)				
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	(1.779.757.670)	-	(1.779.757.670)				
Số dư lại 31/12/2013	198.000.000.000	-	130.933.926.549	13.209.874.449	13.088.448.201	10.632.061.783	177.582.189.742	543.446.500.724				
Tăng vốn trong kỳ	198.000.000.000	-	16.567.640.780	-	-	-	-	214.567.640.780				
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	46.963.561.091				
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	2.545.342.540	2.545.342.540	3.421.555.540	(16.752.969.160)	(8.240.728.540)				
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	(19.800.000.000)				
Số dư lại 31/12/2014	396.000.000.000	-	147.501.567.329	15.755.216.989	15.633.790.741	14.053.617.323	187.992.781.673	776.936.974.055				

(i) Phân chia lợi nhuận của Công ty mẹ năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0105/2014/NQ-DHĐ ngày 26 tháng 5 năm 2014. Theo đó, Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ 5%, Quỹ khen thưởng, phúc lợi 15%, Quỹ dự phòng tài chính 5%, Quỹ đầu tư phát triển 5%, chia cổ tức cho các cổ đông 45,19%, trích thưởng cho Hội đồng Quản trị 1%, trích thưởng cho Ban Tổng Giám đốc 2%, trích quỹ khác phục vụ công tác điều hành 2% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 19,81% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

Phân chia lợi nhuận của Công ty con năm 2013/2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0109/2014/NQ-DHĐ ngày 15 tháng 09 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ phần bổ lợi nhuận cho các quỹ: Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng là 5% lợi nhuận năm 2013.

*(Handwritten signature)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	396.000.000.000	198.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>396.000.000.000</b>	<b>198.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	198.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	198.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	396.000.000.000	198.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phần	01/01/2014 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	19.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.600.000	19.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	19.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	19.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	19.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần*





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## **6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

### **6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.564.763.399.903</b>	<b>1.158.676.596.112</b>
Doanh thu bán hàng hóa	105.064.425.936	77.109.800.329
Doanh thu bán các thành phẩm	1.459.698.973.967	1.081.566.795.783
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.119.790.812</b>	<b>1.168.813.243</b>
Giảm giá hàng bán	4.096.063.542	990.861.952
Hàng bán bị trả lại	23.727.270	177.951.291
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.560.643.609.091</b>	<b>1.157.507.782.869</b>

### **6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	100.037.026.680	73.902.893.169
Giá vốn bán thành phẩm	1.277.861.676.445	905.069.710.966
<b>Cộng</b>	<b>1.377.898.703.125</b>	<b>978.972.604.135</b>

### **6.3. Doanh thu tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.716.999.544	2.321.392.397
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.412.487.243	4.012.200.204
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.734.510	2.542.283
Lãi từ đầu tư trái phiếu	156.750.000	273.750.000
<b>Cộng</b>	<b>8.331.971.297</b>	<b>6.609.884.884</b>

### **6.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.187.219.661	17.108.189.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.677.298.458	2.249.416.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.032.269.003	2.275.996.462
Chi phí tài chính khác	-	1.541.528
<b>Cộng</b>	<b>25.896.787.122</b>	<b>21.635.143.514</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>57.200.304.377</b>	<b>71.086.784.849</b>
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.933.286.747)	1.806.210.568
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>2.056.373.253</i>	<i>1.806.210.568</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>4.989.660.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>54.267.017.630</b>	<b>72.892.995.417</b>
<b>Trong đó:</b>		
Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	20.306.065.984	22.926.718.606
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	31.553.632.987	45.500.428.831
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Tỷ lệ thuế được giảm (*)	50%	50%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>9.175.466.515</b>	<b>14.240.947.041</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	1.473.129.935
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.175.466.515</b>	<b>15.714.076.976</b>

(\*) Năm 2014, là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1.

**6.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>46.963.561.091</b>	<b>54.935.816.239</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>46.963.561.091</b>	<b>54.935.816.239</b>
Cổ phiếu lưu hành bình quân	24.784.293	19.800.000
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>1.895</b>	<b>2.775</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

ST  
CỔ  
CHỈ  
EIN  
VÀ  
QU  
/KG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh yếu tố**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.334.699.270.758	882.989.022.016
Chi phí nhân công	85.920.550.769	80.761.806.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.178.474.174	49.510.923.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.341.139.657	62.339.496.841
Chi khác bằng tiền	11.935.090.378	7.510.328.070
<b>Cộng</b>	<b>1.582.074.525.736</b>	<b>1.083.111.576.918</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày lại Thuyết minh số 5.8 “Vay và nợ ngắn hạn” và 5.12 “Vay và nợ dài hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4. “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*”.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.807.716.067	130.266.723.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.678.668.060	91.825.098.232
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>516.486.384.127</b>	<b>223.591.821.994</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	456.673.183.094	417.379.632.600
Phải trả người bán và phải trả khác	163.792.805.372	158.332.326.957
<b>Cộng</b>	<b>620.465.988.466</b>	<b>575.711.959.557</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do điều kiện thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do điều kiện thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do điều kiện thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (USD)	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.187.711,74	4.537.861,63
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.520.471,44	3.417.473,41
<b>Cộng</b>	<b>10.708.183,18</b>	<b>7.955.335,04</b>
	Công nợ phải trả (USD)	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	10.236.677,01	11.935.407,00
Phải trả người bán và phải trả khác	6.675.596,04	6.691.253,30
<b>Cộng</b>	<b>16.912.273,05</b>	<b>18.626.660,30</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên đồng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày đồng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Đồng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÀU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Các khoản vay	357.120.496.412	99.552.686.682	456.673.183.094
Phải trả người bán và phải trả khác	163.792.805.372	-	163.792.805.372
<b>Cộng</b>	<b>520.913.301.784</b>	<b>99.552.686.682</b>	<b>620.465.988.466</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Các khoản vay	334.296.710.948	83.082.921.652	417.379.632.600
Phải trả người bán và phải trả khác	158.332.326.957	-	158.332.326.957
<b>Cộng</b>	<b>492.629.037.905</b>	<b>83.082.921.652</b>	<b>575.711.959.557</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.807.716.067	-	336.807.716.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	149.678.668.060	-	149.678.668.060
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>516.486.384.127</b>	<b>-</b>	<b>516.486.384.127</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.266.723.762	-	130.266.723.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.825.098.232	-	91.825.098.232
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>223.591.821.994</b>	<b>-</b>	<b>223.591.821.994</b>

T. NHỰA  
V. MÔI TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm 2014 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2014 VND</u>	<u>Năm 2013 VND</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>			<b>660.000.000</b>	<b>660.000.000</b>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đình Ngự	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>			<b>264.000.000</b>	<b>264.000.000</b>
Ông Lê Thái Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Nguyễn	TV Ban kiểm soát	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	TV Ban kiểm soát	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>1.467.540.000</b>	<b>1.469.580.000</b>
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Tiền lương	556.140.000	558.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	422.220.000	422.400.000
Ông Trần Hoàng Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	489.180.000	489.180.000

**7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Nguyễn Lê Trung  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2015

*Hu Hà*  
Hòa Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

*Hu*  
Hồ Thị Hòe  
Người lập